TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2025.
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con .

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.

2/ Ông Giang Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 530/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Lý Minh T1**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Kim T và anh Lý Minh T1 tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị đi đến hôn nhân vào năm 2019. Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp

giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2011. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc cho đến thời gian gần 03 năm về trước thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, mà chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, giữa chị và anh T1 không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống nên hai người thường xuyên cự cãi nhau và cũng từ đó chị và anh T1 đã sống ly thân với nhau cho đến năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Lý Minh T1.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống với nhau giữa chị T và anh T1 có 02 người con chung tên Lý Minh L, sinh ngày 24/11/2011 và Lý Kim M, sinh ngày 21/10/2018, hiện cả 02 người con chung đang do chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung cho đến tuổi thành niên và chị không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị T xác định chị và anh T1 không có tài sản chung và không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Lý Minh T1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Lý Minh T1 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kim T.

** Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng anh Lý Minh T1 vẫn vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Lý Minh T1;

Về con chung: Tiếp tục giao Lý Minh L, sinh năm 2011 và Lý Kim M, sinh năm 2018 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên;

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét vì đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Kim T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Lý Minh T1; Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lý Minh T1 có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lý Minh T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Kim T và anh Lý Minh T1 xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2011. Như vậy, hôn nhân giữa chị

Nguyễn Kim T với anh Lý Minh T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau, chị T cho rằng giữa chị và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, hai người không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống, anh T1 không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến việc chị và anh T1 thường xuyên cự cãi nhau, đôi khi còn xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vì vậy chị và anh T1 bắt đầu sống ly thân với nhau đến nay được gần 03 năm. Hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh T1 nữa nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị T cương quyết ly hôn với anh Lý Minh T1.

Tại biên bản ghi lời khai bà Thị A trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Lý Minh T1, giữa chị Nguyễn Kim T và anh Lý Minh T1 đi đến hôn nhân là do tự nguyện, hai người có 02 người con chung, vào khoảng 03 năm trước do mâu thuẫn vợ chồng nên T1 có về nhà bà sinh sống cho đến nay. Việc T làm đơn xin ly hôn với T1 thì T1 cũng biết và T1 cũng đồng ý ly hôn với T; những lần Tòa án tống đạt văn bản tố tụng cho T1 thì bà cũng đều thông báo lại cho anh T1 được biết, nhưng do anh T1 đi làm nên không tham gia phiên toà được. Điều này chứng tỏ anh Lý Minh T1 cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh T1 và chị T.

Từ đó thấy rằng cuộc sống vợ chồng của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX thống nhất chấp nhận cho chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Lý Minh T1.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Kim T và anh Lý Minh T1 có 02 người con chung tên Lý Minh L, sinh năm 2011 và Lý Kim M, sinh năm 2018.

Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung của chị Nguyễn Kim T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; từ khi chị T và anh T1 sống ly thân với nhau thì cả 02 người con chung đều được chị T nuôi dưỡng; đồng thời tại bản tự khai ngày 29/4/2025 cháu Lý Minh L có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng với mẹ. HĐXX xét thấy, các con chung đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường; để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý ở trẻ nên tiếp tục giao các con chung cho chị T được tiếp tục

nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, HĐXX thống nhất tiếp tục giao 02 người con chung là Lý Minh L và Lý Kim M cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Kim T trình bày chị có đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị T xác định chị và anh T1 không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 227, 228 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Lý Minh T1.

2/ Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung tên Lý Minh L, sinh ngày 24/11/2011 và Lý Kim M, sinh ngày 21/10/2018 cho chị Nguyễn Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị T nuôi con; anh T1 được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009641 ngày 13/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Nguyễn Kim T không phải nộp thêm, anh Lý Minh T1 không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *THA huyện Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Điệp